TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ - ST.
Ngày: 20 – 01 – 2025.
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Được;

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Ngọc N, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trà Thạch M, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 13/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc N trình bày:

Nguyên vào năm 2018, bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trà Thạch M tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Ông, bà chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cải nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, do mâu thuẫn trầm trọng nên bà và ông P đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa bà Lâm Thị Ngọc N vẫn giữ nguyên yêu cầu theo nội dung đơn khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với ông Trà Thạch M; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Trà Thạch M:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông M, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trà Thạch M.

+ Về con chung: Bà Lâm Thị Ngọc N xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trà Thạch M không có con chung nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Ngọc N xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trà Thạch M không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Lâm Thị Ngọc N xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trà Thạch M không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc N, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trà Thạch M, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã xác minh việc đăng ký kết hôn giữa bà N và ông M tại Ủy ban nhân dân xã Ã, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả: Từ trước đến nay bà N và ông M chưa đăng ký

kết hôn theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trà Thạch M từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông M nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn ông Trà Thạch M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông M.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà Lâm Thị Ngọc N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ năm 2018, bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trà Thạch M chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ chung sống giữa bà N và ông M do không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ chung sống giữa bà N và ông M không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Bà Lâm Thị Ngọc N xác định trong thời gian chung sống bà và Trà Thạch M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lâm Thị Ngọc N xác định bà và ông Trà Thạch M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lâm Thị Ngọc N xác định bà và ông Trà Thạch M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Lâm Thị Ngọc N phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Trà Thạch M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trà Thạch M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006703 ngày 30/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Lâm Thị Ngọc N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trà Thạch M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- UBND xã Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Bảo